

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỸ XUYỀN  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST*

*Ngày: 08/05/2019*

*V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Dương Hải

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lương Minh Suốt

2. Bà Lâm Thị Tám

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Tô Văn Đăng – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Đoàn Văn Khải – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 05 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2019/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 02 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08/04/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đặng Văn V, sinh năm 1981. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Vĩnh B, xã Gia H, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc T.

- Bị đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1988. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Vĩnh B, xã Gia H, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/02/2019, nguyên đơn ông Đặng Văn V trình bày:*

Vào năm 2008 ông và bà Trần Thị T kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống với nhau cũng hạnh phúc được khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn, lý do là vợ chồng bất đồng ý kiến không thể hàn gắn được vì vậy vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 05/2016 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa nên ông V yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với bà Trần Thị T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên là Đặng Đăng Kh, sinh ngày 10/09/2015 hiện nay đang sống với bà T. Nay về con chung ông xin yêu cầu được nuôi con chung không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản và không nợ ai tài sản gì nên ông Vĩnh không yêu cầu toà án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc xin nuôi con chung, trong đơn khởi kiện ông Vĩnh yêu cầu được nuôi con chung nay ông thay đổi lại yêu cầu là ông V đồng ý để con cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, ông Vĩnh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Đối với bị đơn bà Trần Thị T thì sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn nhưng bị đơn không gửi văn bản ghi kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Về hôn nhân, cho ông V được ly hôn với bà T, về con chung, giao cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Đăng K, sinh ngày 10/09/2015 ông V không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Ngoài ra đối với việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án là tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về thủ tục tố tụng:** Đối với bị đơn bà Trần Thị T tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn nhưng bị đơn Thảo vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà Trần Thị Thảo theo quy định pháp luật.

### Về nội dung:

Tại phiên tòa nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc nuôi con là thống nhất để con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy việc xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của ông V.

### - Về hôn nhân:

Ông Đặng Văn V và bà Trần Thị T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến nên ông Vĩnh và bà T đã sống ly thân nhau từ tháng 05/2016 cho đến nay.

Xét thấy, do trong quá trình chung sống giữa ông V và bà T không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống do đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, sống không

hạnh phúc, ông bà đã ly thân nhau thời gian đã lâu không có điều kiện hàn gắn trở lại. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa hai người đã trầm trọng, cuộc sống chung không có cơ sở để tồn tại, dẫn đến mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không thể đạt được. Do vậy việc ông V yêu cầu được ly hôn với bà T là có căn cứ pháp luật để chấp nhận.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống, ông V và bà T đã có với nhau một con chung tên Đặng Đăng K, sinh ngày 10/09/2015 hiện nay cháu K đang sống với bà T, nay về con chung ông V đồng ý để bà T tiếp tục nuôi dưỡng cháu K ông không đồng ý cấp dưỡng.

Xét thấy, từ trước đến nay cháu K sống chung với bà T, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu K vì vậy cần ổn định cho cháu K được tiếp tục sống với bà T là phù hợp. Ông V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà T không có ý kiến gì về việc yêu cầu ông V phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con, mặt khác ông V cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho bà T, vì vậy Tòa án không xem xét đối về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông V.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

+ Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì ông V phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

- Đối với ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện viện kiểm sát là về hôn nhân, cho ông V được ly hôn với bà T, về con chung, giao cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Đăng K, sinh ngày 10/09/2015 ông V không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Xét thấy đề nghị của đại diện viện kiểm sát là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 244, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280, của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử**: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn Vĩnh.

1/ Về hôn nhân: Ông Đặng Văn V được ly hôn với bà Trần Thị T.

2/ Về con chung: Bà T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu Đặng Đăng K, sinh ngày 10/09/2015 đến tuổi trưởng thành. Ông V không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con cho ông V không ai được quyền cản trở.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

4/ Án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông V phải chịu 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0005435, ngày 21/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, như vậy ông V đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn Thảo thì thời gian kháng cáo nêu trên được tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án để xin Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện MX;
- Toà án tỉnh ST;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Mai Thị Dương Hải**